

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH L

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2018
“Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Bà Vũ Thị Đức.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L.

Ngày 16/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số **106/2018/TLST-HNGĐ** ngày 27/8/2018 về việc “Tranh chấp **ly hôn và nuôi con chung**”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà T**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Nhà không số, Quốc lộ 62, khu phố 5, phường 2, thị xã K, tỉnh L.

- *Bị đơn:* **Ông B**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Nhà không số, Quốc lộ 62, khu phố 5, phường 2, thị xã K, tỉnh L.

(Bà T, ông B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2018 và những lời trình bày của nguyên đơn bà **T** có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Năm 2013, bà với ông **B** **quen biết với nhau đến ngày 19/7/2013, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam**. Thời gian đầu, ông bà sống chung với nhau hạnh phúc nhưng từ năm 2018 đến nay, bà và ông **B** bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không hợp thương hay bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau. Ông bà sống ly thân với nhau từ ngày 01/8/2018 đến nay, bà thuê nhà trọ ở Ao Lục Bình, khu phố 1, phường 2, thị xã K, tỉnh L còn ông B sống ở nhà không số, Quốc lộ 62, khu phố 5, phường 2, thị xã K, tỉnh L.

Tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, nay bà xác định không thể hàn gắn lại được. Bà yêu cầu những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu **cầu được ly hôn với ông B**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên N, sinh ngày 05/10/2013 hiện nay cháu đang sống với bà. Trước đây, bà yêu cầu được nuôi con chung yêu cầu ông B cấp dưỡng con chung mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Nay bà thay đổi không yêu cầu ông B cấp dưỡng. Thu nhập một tháng của bà 3.500.000đ/01 tháng, bà sống ở nhà thuê, cha mẹ ở ngoài quê Quảng Nam.

Tài sản chung: không có yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông B trình bày:

Ông xác định lời trình bày trên của bà T là đúng về quá trình vợ chồng tìm hiểu, chung sống và phát sinh mâu thuẫn cũng như vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng có khả năng hàn gắn lại được, ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên N, sinh ngày 05/10/2013 hiện nay cháu đang sống với bà T. Nếu Tòa án buộc ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng con chung. Thu nhập trung bình của ông khoảng 4.000.000đ nhưng ông cho rằng ông có đủ điều kiện kinh tế hơn so với bà T, ông có nhà cửa và có mẹ ruột phụ giúp chăm con.

Tài sản chung, nợ chung: không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông B, sinh năm 1993; Địa chỉ: Nhà không số, Quốc lộ 62, khu phố 5, phường 2, thị xã K, tỉnh L nên Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh L **thụ lý vụ án là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.**

- Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: 19/7/2013, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Thời gian đầu, ông bà sống chung với nhau hạnh phúc nhưng năm từ năm 2018 đến nay, ông bà bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà không hợp thường hay bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã nhau. Ông bà sống ly thân với nhau từ ngày 1/8/2018 đến nay, bà thuê nhà trọ ở Ao Lục Bình khu phố 1, phường 2, thị xã K, tỉnh L còn ông B sống ở nhà không số, Quốc lộ 62, khu phố 5, phường 2, thị xã K, tỉnh L. Bà T xin ly hôn ông B không đồng ý ly hôn nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn lại được **nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.**

[3] Về con chung trong quá trình chung sống, ông bà có một con chung tên N, sinh ngày 05/10/2013 hiện nay cháu đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, ông B cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Nhưng xét thấy điều kiện kinh tế của ông B tốt hơn bà T, bà T với mức lương 3.500.000đ/01 tháng nhà ở trọ, cha mẹ không ở gần phụ giúp còn ông B có thu nhập bình quân

4.000.000đ/01 tháng, có nhà cửa ổn định và có mẹ ruột phụ giúp việc trông nom con chung nên xét thấy cần giao con chung cho ông B trực tiếp nuôi là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng: Do ông B không yêu cầu cấp dưỡng nên bà T không có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông bà cho rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông bà cam kết không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên **bà T** phải chịu tiền án phí ly hôn sung ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của **bà T**.

Về quan hệ hôn nhân: **Bà T được ly hôn với ông B.**

Về con chung: Sau khi ly hôn giao con chung cháu N, sinh ngày 05/10/2013 cho ông **B được** trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi tròn 18 tuổi.

Bà T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở **bà T** thực hiện quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Buộc **bà T** phải chịu **300.000đồng** (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là **300.000đồng** theo biên lai thu số 00066879 ngày 21/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh L, **bà T** đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án,.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Đức – Trần Thị Ngọc Anh

Trần Diệp

Nơi nhân:

- VKSND thị xã K;
- Chi cục THA/DS thị xã K;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Diệp

